

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ THANH THU'**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ THANH THU'

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH THU SERVICE AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY SX & DV THANH THU'

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109875352

**3. Ngày thành lập:** 30/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Đàm, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982447911

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4633        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4653        |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8230        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4722        |
| 8.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4723        |
| 9.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1010        |
| 10. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1020        |
| 11. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1030        |
| 12. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1050        |
| 13. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1075        |
| 14. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5510        |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5610        |
| 16. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                | 5621(Chính) |
| 17. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5629        |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5630        |
| 19. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7721        |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730        |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3320        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ THU THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 250978069

Ngày cấp: 06/05/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: Thôn 1, Xã Lộc Quảng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 1, Xã Lộc Quảng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội